

4. **Qahash M, Susin C, Polimeni G, Hall J, Wikesjö UM.** Bone healing dynamics at buccal peri-implant sites. *Clinical Oral Implants Research*. 2008;19(2):166-172.
5. **Braut V, Bornstein MM, Belser U, Buser D.** Thickness of the anterior maxillary facial bone wall—a retrospective radiographic study using cone beam computed tomography. *International Journal of Periodontics and Restorative Dentistry*. 2011;31(2):125.
6. **Kan JY, Roe P, Rungcharassaeng K, et al.** Classification of sagittal root position in relation to the anterior maxillary osseous housing for immediate implant placement: a cone beam computed tomography study. *Int J Oral Maxillofac Implants*. Jul-Aug 2011;26(4):873-
7. **Buser D, von Arx T.** Surgical procedures in partially edentulous patients with ITI implants. *Clin Oral Implants Res*. 2000;11 Suppl 1:83-100. doi:10.1034/j.1600-0501.2000.011s1083.x
8. **Spray JR, Black CG, Morris HF, Ochi S.** The influence of bone thickness on facial marginal bone response: stage 1 placement through stage 2 uncovering. *Ann Periodontol*. Dec 2000; 5(1):119-28. doi:10.1902/annals.2000.5.1.119
9. **Cho YB, Moon SJ, Chung CH, Kim HJ.** Resorption of labial bone in maxillary anterior implant. *J Adv Prosthodont*. Jun 2011;3(2):85-9. doi:10.4047/jap.2011.3.2.85
10. **Braut V, Bornstein MM, Belser U, Buser D.** Thickness of the anterior maxillary facial bone wall—a retrospective radiographic study using cone beam computed tomography. *Int J Periodontics Restorative Dent*. Apr 2011;31(2):125-31.

TÌNH TRẠNG THIẾU MÁU THIẾU SẮT Ở HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CHU HƯƠNG, HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN

Trần Thị Hồng Vân¹, Hứa Thị Diễm¹, Nguyễn Văn Thu¹, Hoàng Văn Lâm¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu mô tả cắt ngang tiến hành trên 191 học sinh với mục tiêu mô tả thực trạng thiếu máu dinh dưỡng ở học sinh tại trường THCS Chu Hương, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn năm 2023. **Kết quả:** Tỷ lệ thiếu máu chung ở đối tượng nghiên cứu chiếm 35,1% trong đó tỷ lệ thiếu máu mức độ nhẹ 34,6%; mức độ trung bình là 0,5%. Thiếu máu do thiếu sắt chiếm 40,8%. **Kết luận:** Tỷ lệ thiếu máu thiếu sắt ở học sinh trường Trung học cơ sở Chu Hương, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn ở mức tương đối cao.

Từ khóa: Thiếu máu thiếu sắt, học sinh, trường trung học cơ sở Chu Hương, Ba Bể, Bắc Kạn.

SUMMARY

IRON DEFICIENCY ANEMIA STATUS IN STUDENTS OF CHU HUONG SECONDARY SCHOOL, BA BE DISTRICT, BAC KAN PROVINCE

Cross-sectional study was conducted on 191 students with the purpose describing the iron deficiency anemia status in students at Chu Huong Secondary School, Ba Be district, Bac Kan province in 2023. **Results:** Anemia prevalence was 35,1%, in which proportion of mild, moderate anemia were 34,6% and 0,5% respectively. Iron deficiency anemia accounts for a high proportion was 40,8%.

Conclusion: The prevalence of iron deficiency anemia among students at Chu Huong secondary school, Ba Be District, Bac Kan Province is relatively high.

¹Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên

Chịu trách nhiệm chính: Trần Thị Hồng Vân

Email: hyppocrateyk88@gmail.com

Ngày nhận bài: 7.3.2024

Ngày phản biện khoa học: 18.4.2024

Ngày duyệt bài: 23.5.2024

Keywords: Iron deficiency anemia, student, Chu Huong secondary school, Ba Be, Bac Kan.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thiếu máu vẫn đang là vấn đề thời sự, có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng tại các nước đang phát triển. Thiếu máu góp phần làm gia tăng tỷ lệ mắc bệnh và tử vong, giảm năng suất làm việc, giảm khả năng tập trung học tập và suy giảm sự phát triển thần kinh ở trẻ nhỏ, trẻ vị thành niên [1], [5]. Trẻ vị thành niên là nguồn nhân lực cho tương lai, góp phần phát triển kinh tế xã hội và ước tính chiếm khoảng 1/6 toàn bộ dân số thế giới (trong đó có nhóm trẻ từ 11-15 tuổi là lứa tuổi học sinh trung học cơ sở). Ở Việt Nam, Ở Việt Nam, theo tổng điều tra Dinh dưỡng giai đoạn 2019 – 2020, tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em 10 – 14 tuổi 8,4% [2]. Tuy nhiên, theo nghiên cứu của một số tác giả tỷ lệ thiếu máu ở trẻ vị thành niên ở mức tương đối cao. Năm 2023, tại tỉnh Điện Biên và tỉnh Gia Lai, nghiên cứu của tác giả Đặng Thị Hạnh và cộng sự có 20,8% nữ học sinh thiếu máu [3]. Một nghiên cứu khác tại Yên Bái ghi nhận có 26,9% học sinh trung học cơ sở trường dân tộc nội trú thiếu máu [4].

Bắc Kạn là tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc, huyện Ba Bể nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Bắc Kạn. Những khó khăn về kinh tế, xã hội nơi đây luôn là những yếu tố nguy cơ thường trực đối với sức khỏe của trẻ vị thành niên, đặc biệt là lứa tuổi bậc trung học cơ sở đang ở giai đoạn tiền dậy thì và dậy thì. Vậy tình trạng thiếu máu dinh dưỡng ở học sinh trung học cơ sở nơi đây ra

saos? Là câu hỏi để đề tài: *Thực trạng thiếu máu dinh dưỡng ở học sinh tại trường THCS Chu Hương, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn tiến hành nghiên cứu.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Học sinh trường trung học cơ sở Chu Hương, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- **Tiêu chuẩn chọn đối tượng nghiên cứu:** Đối tượng nghiên cứu có khả năng cung cấp đầy đủ thông tin. Đồng ý tham gia vào nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Học sinh mắc các bệnh về máu hoặc mắc các bệnh mạn tính ảnh hưởng đến tình trạng thiếu máu. Học sinh mắc các bệnh nhiễm khuẩn cấp tính. Học sinh mắc Thalassemia.

2.2. Địa điểm nghiên cứu: Trường THCS Chu Hương, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

2.3. Thời gian nghiên cứu: từ tháng 4/2023 đến tháng 4/2024.

2.4. Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả thiết kế cắt ngang.

- **Cỡ mẫu:** Toàn bộ 191 học sinh trường THCS Chu Hương, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- **Chọn mẫu:** Chọn chủ đích toàn bộ học sinh trường THCS Chu Hương, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn lựa chọn.

2.5. Biến số, chỉ số nghiên cứu
- Thông tin chung đối tượng nghiên cứu: Tuổi, giới tính, dân tộc.

- **Nồng độ Hemoglobin, sắt huyết thanh trung bình.**

- **Tỷ lệ thiếu máu chung của đối tượng nghiên cứu.**

- **Tỷ lệ thiếu máu theo nhóm tuổi, giới, dân tộc của đối tượng nghiên cứu.**

- **Mức độ thiếu máu của đối tượng nghiên cứu.**

- **Tình trạng thiếu máu thiếu sắt của đối tượng nghiên cứu.**

2.6. Kỹ thuật thu thập số liệu

- Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu: Được thu thập qua phỏng vấn trực tiếp đối tượng bằng bộ câu hỏi thiết kế sẵn.

- Đối tượng được lấy 4ml máu vào buổi sáng để xét nghiệm Hemoglobin và Sắt huyết thanh Khoa Xét nghiệm bệnh viện A Thái Nguyên. Các xét nghiệm đều được thực hiện ngay trong ngày khi mẫu máu được đưa về khoa.

- **Đánh giá tình trạng thiếu máu dinh dưỡng dựa vào hai chỉ tiêu là Hemoglobin (nam: Hb <130g/l; nữ: Hb < 125g/l) và Sắt huyết thanh (nam: Sắt HT < 7 micromol/l, nữ: Sắt HT < 11 micromol/l) [5].**

2.7. Phương pháp xử lý số liệu. Số liệu được hoàn thiện và nhập bằng Excel và phân tích

trên phần mềm STATA 13.0 bằng các thuật toán thống kê thích hợp.

2.8. Đạo đức nghiên cứu. Đề tài triển khai sau khi thông qua xét duyệt Hội đồng Đạo đức của trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên, đồng thời được sự đồng ý của lãnh đạo trường THCS Chu Hương, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

	Biến số	Số lượng	%
Nhóm tuổi	11	37	19,4
	12	46	24,1
	13	44	23,0
	14	39	20,4
	15	25	13,1
Giới	Nam	94	49,2
	Nữ	97	51,8
Dân tộc	Tày	127	66,5
	Dao	50	26,2
	Khác	14	7,3

Về độ tuổi, đối tượng tham gia nghiên cứu phân bố tương đối đồng đều từ 11 đến 14 tuổi. Tỷ lệ học sinh nam nữ tham gia nghiên cứu tương đương nhau lần lượt là 49,2% và 51,8%. Phần lớn đối tượng tham gia nghiên cứu là người dân tộc Tày chiếm 66,5%, tiếp đến là dân tộc Dao (26,2%).

Bảng 2. Nồng độ Hemoglobin và sắt huyết thanh trung bình của đối tượng nghiên cứu

Biến số	X ± SD
Hemoglobin	137,3 ± 11,6
Sắt huyết thanh	15,4 ± 8,5

Kết quả nghiên cứu cho thấy: Nồng độ Hemoglobin trung bình của đối tượng tham gia nghiên cứu là 137,3 ± 11,6g/l và Sắt huyết thanh trung bình là 15,4 ± 8,5 micromol/l.

Bảng 3. Tỷ lệ thiếu máu chung của đối tượng nghiên cứu

Biến số	Số lượng	%
Thiếu máu	67	35,1
Không thiếu máu	124	64,9
Tổng số	191	100

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ thiếu máu ở học sinh của trường THCS Chu Hương là 35,1% và ở mức trung bình về ý nghĩa sức khỏe cộng đồng theo phân loại của Tổ chức Y tế thế giới.

Bảng 4. Tỷ lệ thiếu máu theo nhóm tuổi, giới, dân tộc của đối tượng nghiên cứu

Biến số	Thiếu máu		Không thiếu máu	
	Số lượng	%	Số lượng	%

Nhóm tuổi	11	13	19,4	24	19,4
	12	17	25,4	29	23,4
	13	16	23,9	28	22,6
	14	14	20,9	25	20,2
	15	7	10,4	18	14,4
Giới	Nam	47	70,1	47	37,9
	Nữ	20	29,9	77	62,1
Dân tộc	Tày	49	73,1	78	62,9
	Khác	18	26,9	46	37,1

Về phân bố đối tượng tham gia nghiên cứu có thiếu máu theo nhóm tuổi, tỷ lệ thiếu máu ở nhóm 12 tuổi cao nhất chiếm 25,4%, tiếp đến là nhóm 13 tuổi chiếm 23,9%, ở nhóm 11, 14 tuổi tương đương nhau và thấp nhất ở nhóm 15 tuổi (10,4%). Những đối tượng thiếu máu chiếm tỷ lệ cao ở nam giới (70,1%) và chủ yếu thuộc người dân tộc Tày (73,1%).

Bảng 5. Phân loại mức độ thiếu máu của đối tượng nghiên cứu

Mức độ thiếu máu	Số lượng	%
Nhẹ	66	34,6
Trung Bình	1	0,5
Tổng số	67	35,1

Về phân loại thiếu máu, đối tượng tham gia nghiên cứu phần lớn thiếu máu mức độ nhẹ chiếm 34,6%, thiếu máu mức độ trung bình chỉ chiếm 0,5% và không có trường hợp thiếu máu nặng.

Bảng 6. Tỷ lệ thiếu máu thiếu sắt của đối tượng nghiên cứu

Biến số	Thiếu máu		Không thiếu máu		p, χ^2 test
	Số lượng	%	Số lượng	%	
Sắt huyết thanh thấp	20	40,8	29	59,1	p>0,05
Sắt huyết thanh bình thường	47	33,1	95	66,9	
Tổng số	67	35,1	124	64,9	

Những đối tượng nghiên cứu có thiếu máu nguyên nhân do thiếu sắt chiếm 40,8% và ở những đối tượng không có thiếu máu thì tình trạng sắt huyết thanh thấp cũng chiếm một tỷ lệ cao 59,1%, tuy nhiên chưa tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa tình trạng thiếu máu và thiếu sắt trong cơ thể.

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu được tiến hành trên 191 đối tượng là học sinh của trường Trung học cơ sở Chu Hương, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, trong đó đối tượng nghiên cứu phân bố tương đối đồng đều ở các nhóm từ 11 đến 14 tuổi, ở cả 2 giới nam (49,2%) và nữ (51,8%), phần lớn là người dân tộc Tày chiếm (66,5%).

Nồng độ Hemoglobin trung bình của đối

tượng nghiên cứu là $137,3 \pm 11,6$ g/l cao hơn so với trẻ từ 11-14 tuổi ở tỉnh Điện Biên $123,5 \pm 12,7$ g/l và trẻ 11-13 tuổi ở Yên Bái $124,8 \pm 10,3$ g/l [3], [4]. Sự khác biệt này có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau: thời gian, khu vực sinh sống khác nhau làm ảnh hưởng đến điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương, do đó gián tiếp ảnh hưởng đến chất lượng khẩu phần ăn hàng ngày trong đó có các chất dinh dưỡng tham gia vào quá trình tạo máu. Bên cạnh đó, đối tượng trong nghiên cứu của chúng tôi bao gồm cả hai giới nam, nữ còn trong nghiên cứu của tác giả Nguyễn Song Tú được tiến hành trên trẻ gái là nhóm đối tượng có nguy cơ thiếu máu cao hơn có thể là yếu tố dẫn đến sự khác biệt này.

Thiếu máu là vấn đề sức khỏe cộng đồng ảnh hưởng cả đến các quốc gia phát triển, đang phát triển và kém phát triển, gây hậu quả nặng nề đối với sức khỏe con người cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội. Thiếu máu khi các triệu chứng đã biểu hiện rõ ràng có thể để lại những hậu quả nghiêm trọng không thể hồi phục, đặc biệt ở trẻ 11-15 tuổi là giai đoạn tiền dậy thì và dậy thì tình trạng thiếu máu sẽ ảnh hưởng tới sự tăng trưởng cả về thể chất và tinh thần ở trẻ [1], [5].

Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ thiếu máu ở học sinh là 35,1% và ở mức trung bình về ý nghĩa sức khỏe cộng đồng theo phân loại của Tổ chức Y tế thế giới. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn kết quả nghiên cứu của tác giả Đặng Thị Hạnh và cộng sự năm 2023 tại hai tỉnh Điện Biên và Gia Lai (20,8%) và cũng cao hơn kết quả nghiên cứu của Tác giả Nguyễn Song Tú năm 2022 tại tỉnh Yên Bái (26,9%) [3], [4]. Điều này có thể được giải thích do địa điểm nghiên cứu thuộc các vùng miền khác nhau vì vậy điều kiện kinh tế, xã hội, phong tục, tập quán không giống nhau, từ đó khả năng tiếp cận với các loại thực phẩm giàu các chất dinh dưỡng tạo máu khác nhau (sắt, vitamin C,...).

Về mức độ thiếu máu, đối tượng trong nghiên cứu của chúng tôi phần lớn là thiếu máu mức độ nhẹ 34,6%, thiếu máu mức độ trung bình chiếm 0,5%, không có trường hợp nào thiếu máu mức độ nặng, điều này cũng phù hợp với các kết quả nghiên cứu trên đối tượng là học sinh Trung học cơ sở của một số tác giả [3], [4]. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để lãnh đạo nhà trường xây dựng những giải pháp can thiệp phù hợp nhằm cải thiện tình trạng thiếu máu góp phần nâng cao sức khỏe và chất lượng học tập cho đối tượng tại địa bàn nghiên cứu.

Thiếu máu dinh dưỡng gây ra bởi thiếu một hay nhiều chất dinh dưỡng cần thiết cho quá

trình tạo máu như sắt, acid folic, vitamin B12..., trong đó thiếu sắt vẫn là nguyên nhân phổ biến [1], [5]. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, tỷ lệ học sinh thiếu máu do nguyên nhân thiếu sắt vẫn cao 40,8%. Bên cạnh đó, những đối tượng không có thiếu máu nhưng tình trạng sắt huyết thanh thấp cũng chiếm một tỷ lệ cao 59,1% nếu những đối tượng này không được can thiệp để cải thiện tình trạng thiếu sắt kịp thời sẽ có nguy cơ dẫn tới tình trạng thiếu máu do thiếu sắt.

V. KẾT LUẬN

- Tỷ lệ thiếu máu ở học sinh của trường THCS Chu Hương là 35,1% trong đó thiếu máu mức độ nhẹ là 34,6%, mức độ trung bình là 0,5% và không có trường hợp thiếu máu mức độ nặng.

- Tỷ lệ thiếu máu do thiếu sắt ở học sinh của trường THCS Chu Hương, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc

Kạn là 40,8%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Development Initiatives** (2017), Global Nutrition Report 2017: Nourishing the SDGs, Bristol, UK: Development Initiatives.
2. **Viện Dinh dưỡng – UNICEF** (2021), "Tình hình dinh dưỡng Việt Nam 2019 – 2020".
3. **Đặng Thị Hạnh và cộng sự** (2023). Tình trạng dinh dưỡng, thiếu máu của nữ học sinh tại một số trường trung học cơ sở tại tỉnh Điện Biên và tỉnh Gia Lai, năm 2022 Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm 19(6): 27-34. Viện Vệ sinh dịch tễ trung ương, Luận án tiến sỹ Y học, Chuyên ngành Dinh dưỡng, tiết chế.
4. **Nguyễn Song Tú** (2022), Hiệu quả bổ sung đa vi chất đối với tình trạng vi chất dinh dưỡng và nhân trắc của trẻ gái từ 11-13 tuổi tại một số trường dân tộc bản trú tỉnh Yên Bái, Báo cáo nghiệm thu đề tài cấp Viện, Viện Dinh dưỡng.
5. **WHO** (2015), The global prevalence of anemia in 2011, Geneva: World Health Organization.

ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG CẬN LÂM SÀNG BỆNH NHÂN ĐAU BIÙ MẠN TÍNH CẦN CAN THIỆP PHẪU THUẬT

Lê Anh Tuấn^{1,2}, Phạm Văn Hảo²,
Lê Đình Hiếu¹, Vũ Lê Chuyên³

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Đau bìu mạn tính là một trong những cơn đau phổ biến nhất của hệ tiết niệu khiến bệnh nhân đến khám và điều trị. Nghiên cứu nhằm khảo sát đặc điểm lâm sàng bệnh nhân đau bìu mạn tính nặng có chỉ định phẫu thuật can thiệp phẫu thuật. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả hồi cứu. Tất cả những bệnh nhân đau bìu mạn tính có chỉ định phẫu thuật tại khoa nam học, bệnh viện Bình Dân từ 01/01/2022 đến 31/11/2023. **Kết quả:** Có 39 bệnh nhân đau bìu mạn tính được phẫu thuật. Tuổi trung bình $24,2 \pm 4,3$, thời gian đau $2,3 \pm 1,6$ năm. Vị trí đau: bìu 41,3% tinh hoàn-mào tinh 47,8%, thừng tinh 24,6%, bẹn 15,1%. Nguyên nhân đau: hậu viêm tinh hoàn mào tinh 45,3% chiếm đa số trường hợp. Các nguyên nhân khác: sau phẫu thuật giãn tĩnh mạch tinh 32,3 %, sau chấn thương 22,6%. Thang điểm đau điểm đau NRS trước mổ $6,8 \pm 2,3$. 13/39 bệnh nhân có thang điểm đau nặng (7-10). Chất lượng cuộc sống bệnh nhân Quality of life (QOL) bệnh nhân đau vừa (thang điểm đau NRS 1-6) $4,6 \pm$

4,0 và $6,75 \pm 1,1$ ở bệnh nhân đau nặng (NRS 7-10). Có 25 (80,6 %) bệnh nhân ghi nhận cơn đau ảnh hưởng đến hoạt động làm việc. Bệnh nhân có kích thước tinh hoàn nhỏ là 43,5%, Độ giãn tĩnh mạch tinh trên siêu âm: $3,4 \pm 1,2$ mm. Nồng độ Testosterone thấp hơn giá trị trung bình 37,5% bệnh nhân. **Kết luận:** Đau bìu mạn tính đa phần xảy ra ở bệnh nhân trẻ với than điểm đau tương đối lớn. Nguyên nhân gây đau bìu mạn tính cũng góp phần ảnh hưởng đến kích thước và chức năng nội tiết tinh hoàn ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống. Vì vậy bệnh lý đau bìu mạn tính cần được quan tâm can thiệp sớm nếu có thể khi ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống bệnh nhân.

Từ khóa: đau bìu mạn tính, đặc điểm, chất lượng cuộc sống

SUMMARY

CLINICAL CHARACTERISTICS OF CHRONIC SCROTAL PAIN SYNDROME PATIENT THAT HAVE SURGERY INDICATION

Objective: Chronic scrotal pain is a common and well recognized urology symptom of young patient presenting to doctor for care. This study was conducted to examine the clinical characteristics of neurogenic chronic scrotal pain syndrome patient that have surgery indication. **Methods:** Observation study design. All neurogenic chronic scrotal pain syndrome patient that has surgery indication at our andrology department from từ 01/01/2022 đến 31/11/2023. **Results:** 39 neurogenic chronic scrotal pain patients had surgery indication. Mean age $24,2 \pm 4,3$, mean

¹Trường Đại Học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch, TPHCM

²Bệnh viện Bình Dân TPHCM

³Bệnh viện Tâm Anh TPHCM

Chịu trách nhiệm chính: Lê Anh Tuấn

Email: 20.05.104.03@pnt.edu.vn

Ngày nhận bài: 12.3.2024

Ngày phản biện khoa học: 22.4.2024

Ngày duyệt bài: 20.5.2024